TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2020/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 07 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 29 tháng 4 năm 2019;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1990; Địa chỉ nơi cư trú: Số 27 đường L, phường H, quận C, TP Đà Nẵng;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 24, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: 144 đường L, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 27 đường L, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Ông K ít quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con, đến tháng 10/2028 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông K, bà T không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể

kéo dài, do đó, ông K, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông K, bà T vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy ông K, bà T thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Xuân K, bà Nguyễn Thị T thống nhất xác định có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 17/02/2017. Ly hôn ông Khoa, bà Tuyết thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Phúc T cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân K, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân K, bà Nguyễn Thị T xác định không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ông Nguyễn Xuân Khoa, bà Nguyễn Thị Tuyết, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị T về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Phúc T, sinh ngày 17/02/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Xuân K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Nguyễn Xuân K còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Xuân K, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Xuân K, bà Nguyễn Thị T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông K, bà T đã nộp tại biên lai thu số 0001020 ngày 25/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy ông K, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (số 77/2016, quyển số 01)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương